
NGHIÊN CỨU

Tiếp nhận văn học Pháp ở Việt Nam thời kỳ đầu đến năm 1975 (dưới góc nhìn của lý thuyết phức hệ)

Nguyễn Duy Bình*

Trường Đại học Vinh, 182 Lê Duẩn, Vinh, Nghệ An, Việt Nam

Nhận ngày 03 tháng 11 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 01 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 01 năm 2015

Tóm tắt: Phần đầu tiên của bài viết này sẽ giới thiệu chung về lý thuyết phức hệ và các khái niệm cơ bản của lý thuyết phức hệ (giao thoa nội chính thể và giao thoa liên chính thể, trung tâm và ngoại vi, phân tầng chuẩn và phân tầng phi chuẩn, hình mẫu sơ cấp và hình mẫu nhị cấp v.v...). Chúng tôi cũng sẽ trình bày những yếu tố cấu thành phức hệ và khả năng đóng góp của lý thuyết phức hệ trong việc nghiên cứu vị trí của văn học dịch trong một phức hệ văn học. Trên cơ sở đó, chúng tôi sẽ tập trung nghiên cứu quá trình tiếp nhận văn học Pháp ở Việt Nam từ trước tới nay. Chúng tôi sẽ tìm hiểu các yếu tố như thể chế, văn chương, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ v.v... và chỉ rõ các yếu tố này giao thoa, tương tác với nhau như thế nào và tác động đến việc tiếp nhận văn học Pháp, từ đó làm nổi bật vị trí của hoạt động dịch văn học Pháp, về việc lựa chọn các tác phẩm dịch và về các chiến lược dịch văn học của các dịch giả Việt Nam.

Từ khóa: Lý thuyết phức hệ, văn học dịch, giao thoa, văn học Pháp.

1. Đặt vấn đề

1.1. Ngày nay, không ai phủ nhận thực tế rằng văn học Pháp đã có ảnh hưởng rất lớn đến văn học và ngôn ngữ Việt Nam. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng lâu nay, hoạt động dịch văn học Pháp sang tiếng Việt được ít nhà nghiên cứu quan tâm đến bởi truyền thống văn hóa của chúng ta thường xem nhẹ văn học dịch và các

dịch giả, coi “dịch là phản” và dịch giả là “kẻ nhai lại”. Đã có một số ít nhà nghiên cứu quan tâm nhưng các công trình của họ chỉ giới hạn ở nghiên cứu tuyến tính mà sao nhãng tính động, tính đa chiều, đa ngành của hoạt động này. Để phần nào bồi lấp lỗ hổng này, lý thuyết phức hệ (polysystem theory) có thể được xem là một lý thuyết khá quan bởi nó xem văn học dịch là một thể loại văn học với những đóng góp lớn lao cho nền văn học và văn hóa đích. Theo lý thuyết phức hệ, văn học dịch được xem như một hệ thống vận động trong sự tương tác của

*ĐT.: 84-982812309

Email: nguyendubinh@hotmail.com

các hệ thống khác như văn hóa, xã hội, chính trị, lịch sử... Nói cách khác, để có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề này, chúng ta phải đặt diễn ngôn văn học trong diễn trường của các diễn ngôn khác. Dưới ánh sáng của lý thuyết phức hệ, chúng ta có thể trả lời một cách thỏa đáng các câu hỏi sau: hoạt động dịch văn học Pháp đóng vị trí như thế nào trong nền văn học Việt Nam? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới hoạt động đó? Những tác phẩm nào được chọn dịch? Trong bối cảnh văn hóa, xã hội, chính trị nào? Động cơ dịch thuật của các dịch giả là gì? Các tác giả, tác phẩm dịch được tiếp nhận ra sao? Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi sẽ cố gắng chứng minh giả thuyết trên bằng việc khảo sát hoạt động dịch văn học Pháp ở Việt Nam theo dòng lịch sử: giai đoạn từ đầu đến năm 1930, từ năm 1930 đến năm 1954, từ năm 1954 đến năm 1975.

1.2. Thuyết phức hệ ra đời vào những năm 1970. Khái niệm phức hệ (polysystems) xuất hiện lần đầu tiên trong bài tham luận của Itamar Even-Zohar, giáo sư chuyên ngành thi pháp so sánh, văn học so sánh và nghiên cứu dịch thuật tại Trường Đại Học Tel-Aviv, tại Hội thảo về chủ đề “Lý luận về lịch sử văn học”. Về sau, nhiều nhà nghiên cứu khác đã theo hướng nghiên cứu này, có thể kể đến James Holmes, André Lefèvre, Susan Bassnett, Claudio Guillen, Pierre Brunel, Yves Chevrel, José Lambert... Thuyết phức hệ kế thừa chủ nghĩa hình thức Nga của những năm 1920 với những công trình nghiên cứu của Iouri Tynjanov và Roman Jakobson và khai thác triệt để lý thuyết về “trường” của Pierre Bourdieu.

Itamar Even-Zohar định nghĩa thuyết phức hệ như sau:

“Thuyết phức hệ là một kết cấu các hệ thống có thứ bậc, trong đó, các phân tầng khác nhau của toàn bộ phức hệ dịch chuyển và tương tác lẫn nhau. Trong phức hệ, nếu như vị trí cao

nhất thuộc về một nền văn học cách tân thì phân tầng thấp thuộc về nền văn học thủ cựu. Mặt khác, nếu các hình thức thủ cựu nằm ở vị trí trên cùng thì các hình thức cách tân, đổi mới nằm ở phân tầng thấp. Nếu không thì đó sẽ là thời kỳ ngưng trệ.” [1]

Thuyết phức hệ cho rằng văn học, trong đó có văn học dịch, là một hệ thống không biệt lập, nó nằm trong một kết cấu rộng hơn bao gồm nhiều hệ thống phi văn học khác như hệ thống tư tưởng, hệ thống văn hóa, hệ thống xã hội, hệ thống tôn giáo, hệ thống ngôn ngữ... Các hệ thống này tương tác, giao thoa lẫn nhau tạo nên sự biến chuyển vừa liên tục vừa linh hoạt về vị thế của từng hệ thống. Người ta gọi đó là giao thoa liên hệ thống. Trong từng hệ thống cũng có các tiểu hệ thống. Các tiểu hệ thống này cũng vận hành tương tự như các hệ thống trong phức hệ và sự giao thoa của chúng được gọi là sự giao thoa nội hệ thống. Giao thoa nội hệ thống có thể được hiểu là sự phân tầng (stratification) trong hệ thống, nó dựa trên sự đối lập giữa phân tầng chuẩn và phân tầng phi chuẩn. “Chuẩn” ở đây được hiểu là trội, là nòng cốt, là chủ đạo, là điển phạm.

Sự đối lập giữa *phân tầng chuẩn* và *phân tầng phi chuẩn* tương ứng với sự đối lập giữa *trung tâm* và *ngoại vi*. Ở đây có sự đấu tranh của các phân tầng trong *phức hệ* văn học. Phân tầng nào mạnh, chuẩn mực, điển phạm thì chiếm lấy vị trí trung tâm, phân tầng nào yếu, không đáp ứng được các chuẩn mực đưa ra thì bị đẩy ra ngoại vi. Các phân tầng nằm ở ngoại vi không phải vì thế mà chịu nằm yên một chỗ. Chúng cố gắng thay đổi, vận động, biến chuyển để chuyển dịch về phía trung tâm của phức hệ.

Nền văn học dân tộc (chính thống) và văn học dịch có thể được xem là hai hệ thống xung đột lẫn nhau trong *phức hệ* (từ đây, chúng tôi dùng danh từ phức hệ như là kết cấu các hệ

thống). Lẽ tất nhiên, trong cuộc tranh giành vị trí giữa hai hệ thống này, văn học dịch thường yếu thế hơn và thường bị đẩy về phía ngoại vi. Nhưng cũng có những trường hợp văn học dịch chiếm lấy trung tâm *phức hệ* văn học và nó là yếu tố mang tính cách tân cho nền văn học dân tộc. Itamar Even-Zohar đưa ra ba trường hợp mà văn học dịch có thể giữ lấy vị trí trung tâm trong *phức hệ* văn học:

a) Khi phức hệ văn học chưa kết tinh, tức là vẫn còn non trẻ. Văn học dịch đáp ứng nhu cầu của phức hệ văn học yếu kém này trong việc sử dụng ngôn ngữ mới được hình thành để tạo ra nhiều thể loại văn học nhất với mục đích biến ngôn ngữ đó thành một ngôn ngữ văn học thực thụ, đáp ứng nhu cầu của công chúng độc giả vừa mới lộ ra. Vì các nhà văn thuộc một nền văn học non trẻ chưa có khả năng sáng tác ngay tất cả các tác phẩm văn học, họ tận dụng kinh nghiệm của các nền văn học nước ngoài. Văn học dịch chính vì thế mà trở thành một trong những chính thể quan trọng nhất.

b) Khi một nền văn học đang nằm ở vị trí ngoại vi hoặc yếu kém. Những lỗ hổng của nền văn học đó sẽ được lấp đầy, toàn phần hoặc bán phần, bởi văn học dịch.

c) Khi có những đột biến, khủng hoảng, hoặc khoảng trống trong văn học dân tộc [2].

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ vận dụng một số khái niệm lý thuyết phức hệ nêu trên để tìm hiểu một cách sâu sát, trên cả bình diện lịch đại lẫn bình diện đồng đại, tiến trình tiếp nhận văn học Pháp ở Việt Nam vào thế kỷ XX.

2. Tiếp nhận văn học Pháp ở Việt Nam giai đoạn từ đầu đến 1930

Từ năm 1884, năm mà Trương Minh Ký cho xuất bản cuốn *Truyện Phan Sa diễn ra quốc*

ngữ, cho đến những năm 1930, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng dịch văn học chiếm vị trí trung tâm trong nền văn học Việt Nam. Alain Guillemin đánh giá đây là thời của các dịch giả (le temps des traducteurs) [3], Phạm Thế Ngũ cho rằng tất cả các nhà văn thuộc thế hệ này ít nhiều đều có dịch văn học [4], còn Trần Đình Hượu và Lê Chí Dũng thì nhận xét: “Chưa bao giờ công chúng được đọc cả một nền văn xuôi nước ngoài bằng tiếng mẹ đẻ nhiều đến như vậy” [5]. Sự lên ngôi của văn học dịch nói chung và dịch văn học Pháp nói riêng ở giai đoạn này có thể được giải thích bằng sự tương tác của nhiều hệ thống: hệ thống văn học dân tộc, hệ thống thể chế, hệ thống văn hóa - giáo dục, hệ thống báo chí. Nhận định này tương ứng với trường hợp (a) mà Even-Zohar đã đưa ra và chúng tôi đã trích dẫn ở trên.

Cuộc khủng hoảng của nền văn học Việt Nam ở giai đoạn này được thể hiện ở cả nội dung lẫn hình thức. Khi các nhà văn, nhà thơ giai đoạn này, vốn đang bị giam hãm trong tập tính truyền thống, trong những hình thức và thể loại văn học cổ điển, bỗng tiếp xúc với những cách sống mới, những công nghệ mới, một cách tư duy mới đòi hỏi “tính chính xác, rõ ràng, logic, mối quan tâm về bố cục, thị hiếu sáng tạo và phát kiến” [6] thì họ cảm thấy vô cùng bỡ ngỡ, mất phương hướng và đôi khi bất lực trong một trường văn hóa đang ở giai đoạn chuyển tiếp, đang ở giai đoạn “Âu học vẫn chưa vịn được ngọn ngành mà Hán học đã đứt cả cội rễ” [7]. Bên cạnh đó, có thể nói giai đoạn này thực dân Pháp đã thôn tính Việt Nam (mặc dù có một số phong trào phản kháng như Phong trào Cần vương, Khởi nghĩa Yên Bái v.v...). Trước sức mạnh và chính sách nô dịch văn hóa của người Pháp, có một bộ phận trí thức An Nam chấp nhận sự hiện diện của họ và thậm chí cộng tác với họ, như Huỳnh Tịnh Của, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh... Sự thống trị của người Pháp dĩ nhiên có những tác động rất lớn đến quá trình tiếp biến văn hóa Pháp ở một bộ phận người Việt. Phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục,

được khởi xướng năm 1907, năm thành lập trường dạy học tư thực cùng tên, đã có ảnh hưởng rất lớn trong các tầng lớp nhân dân trong việc nâng cao dân trí, ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước. Chủ trương dịch sách Đông Tây sang tiếng Việt của Đông Kinh Nghĩa Thục để giữ gìn và phát triển chữ quốc ngữ đã được đông đảo trí thức Việt Nam đón nhận. Cũng về lĩnh vực giáo dục, trong giai đoạn này, thực dân Pháp đã thành lập hai trường đào tạo thông ngôn: Trường Thông Ngôn được thành lập năm 1860 tại Nam Kỳ và Trường Thông Ngôn Yên Phụ năm 1886. Mục đích thành lập của hai trường này là nhằm đào tạo thông ngôn cho các cơ quan hành chính của thực dân Pháp nhưng không phải vì thế mà học sinh của hai trường này khi ra trường không tham gia dịch văn học, đơn cử như Trương Minh Ký, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Đoàn Phú Tứ v.v... Nhìn vào chương trình của các trường học Pháp Việt giai đoạn này, chúng ta thấy những kiến thức về văn hóa, văn học và ngôn ngữ được chú trọng một cách rõ rệt. Việc thành lập trường đại học Pháp đầu tiên tại Việt Nam vào năm 1906 cũng không nằm ngoài ý đồ truyền bá tư tưởng chính trị, triết học và văn học Pháp của người Pháp.

Có thể nói, trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XX, ở Việt Nam đã có hầu hết các loại báo: công báo, báo, tạp chí, từ báo có bảo trợ của thực dân Pháp đến báo tư nhân. *Gia Định báo, Lục tỉnh Tân văn, Đông Dương Tạp chí, Nam Phong Tạp chí, Thực nghiệp dân báo, Hữu Thanh tạp chí, Phụ nữ tân văn, An Nam tạp chí* v.v... đã thổi một luồng sinh khí mới vào đời sống văn hóa của Việt Nam hồi đó và đã trở thành mảnh đất phì nhiêu cho dịch văn học và triết học phát triển. Đặc biệt, chúng ta không thể không kể đến vai trò của *Nam Phong Tạp chí* và *Đông Dương Tạp chí*. Hai tạp chí này là nơi các dịch giả Pháp ngữ công bố các công trình dịch thuật văn học cũng như triết học: những Ronsard, Descartes, Boileau, Bossuet, Corneille, Molière, La Fontaine, Fénelon,

những Pascal, Montesquieu, Diderot, Rousseau, Renan, Taine, Hugo, Bourget, Loti, Maupassant, France, Dumas đã được dịch và trích dịch trong các tạp chí này.

Nội trong hệ thống dịch văn học cũng có sự tương tác của các tiểu hệ thống *trào lưu* và *thế loại*. Trong giai đoạn này, với cái nhìn toàn cảnh về văn học Pháp, chúng ta có thể thấy nhiều trào lưu, trường phái văn học: chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa Dada, chủ nghĩa siêu thực... Thế nhưng, các dịch giả ở giai đoạn này gần như chỉ chọn các tác phẩm tiểu thuyết, kịch cổ điển và các tác phẩm thơ thuộc trường phái lãng mạn. Dưới góc nhìn của lý thuyết phức hệ, có thể nói chủ nghĩa cổ điển và chủ nghĩa lãng mạn chiếm vị trí trung tâm trong phức hệ văn học dịch Việt Nam giai đoạn này. Điều này có thể được giải thích bằng sự tương đồng về tư tưởng và mỹ cảm giữa các nhà văn cổ điển Pháp và các dịch giả Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Các tác phẩm văn học cổ điển Pháp thường có nội dung giáo huấn và do vậy được các dịch giả Việt Nam giai đoạn này chú trọng. Hẳn vì thế mà *Tuồng Lôi Xích* của Corneille, *Người biển lận* của Molière, *Tê-lê-mac phiêu lưu ký* của Fénelon, *Những kẻ khôn nạn* của Hugo, *Ba chàng ngự lâm pháo thủ* của Dumas đã được chọn dịch và đã rất được độc giả Việt Nam thời đó hoan nghênh. Và lại, những bận tâm về vấn đề luân lý có thể giải thích tại sao những tác phẩm văn học Pháp đầu tiên được dịch sang tiếng Việt không phải là tiểu thuyết, truyện kể mà là ngụ ngôn La Fontaine. Có lẽ vì thế mà trong một bài báo đăng trên *Nam Phong Tạp chí*, số 27, tháng 5 năm 1923, Vũ Đình Long có viết: “Hiển nhiên là đạo đức không đủ để tạo ra các giá trị thẩm mỹ, nhưng không có đạo đức thì không thể có giá trị thẩm mỹ. (...) Văn học phản đạo đức không phải là văn học. Tất cả những gì phản

đạo đức là phản lại nghệ thuật” [16]. Bên cạnh sự gặp gỡ về đạo đức là sự tương đồng về tâm trạng giữa các nhà văn, nhà thơ Pháp thế kỷ XIX và giới văn nghệ sĩ và dịch giả Việt Nam đầu thế kỷ XX. Nếu như các nhà văn nhà thơ Pháp thế kỷ XIX chìm đắm trong nỗi đau thế kỷ (le mal du siècle) thì các nhà văn, nhà thơ cũng như một bộ phận tiểu tư sản Việt Nam bé tắc trong nỗi buồn thế hệ: u sầu, tuyệt vọng, vỡ mộng, hoang mang, cô đơn, chán nản... Tất cả như là hệ quả của chủ nghĩa cá nhân đúng nghĩa lần đầu tiên thâm nhập vào đời sống tình cảm, suy tư của thế hệ này. Về thể loại, chúng ta có thể dễ dàng nhận ra các dịch giả Việt Nam giai đoạn này có xu hướng dịch thơ hơn là dịch tiểu thuyết và kịch. Theo thống kê sơ bộ của chúng tôi, giai đoạn này có khoảng 50 người dịch thơ. Phần lớn không phải là nhà thơ. Các nhà thơ tham gia dịch thơ Pháp rất ít, gồm Á Nam Trần Tuấn Khải, Đông Hồ, Nguyễn Giang (con trai Nguyễn Văn Vĩnh). Tác phẩm thơ Pháp đầu tiên được dịch sang tiếng Việt là *Ngụ ngôn La Fontaine*, nếu có thể coi ngụ ngôn là thi phẩm. Còn về thơ đúng nghĩa, chúng ta có thể thống kê được khoảng 300 bài thơ của khoảng 60 nhà thơ Pháp được dịch từ năm 1917 đến năm 1937 [6]. Đứng đầu là Lamartine, tiếp theo là Hugo, tiếp nữa là Musset, đứng thứ tư là Ronsard, thứ năm là Verlaine. Giai đoạn này, tiểu thuyết vẫn là một thể loại rất mới đối với người Việt, vốn chỉ quen với thể loại truyện. Tiểu thuyết đầu tiên được chuyển ngữ sang tiếng Việt là *Tê-lê-mac phiêu lưu ký* của Fénelon (năm 1889 bởi dịch giả Trương Minh Ký). Sau đó có một loạt tiểu thuyết phiêu lưu được dịch: *Bá tước Mông-xích-tô* của Dumas do Vũ Công Nghi dịch năm 1922, *Truyện ba người ngự lâm pháo thủ* của Dumas do Nguyễn Văn Vĩnh dịch năm 1926, *Những sự bí mật của thành Ba Lê* của Eugène Sue do Nguyễn Văn Thuộc dịch năm 1926 v.v... Ngoài ra, các tiểu thuyết và truyện vừa

thuộc trào lưu hiện thực cũng được các dịch giả Việt Nam thời đó lựa chọn: *Truyện miếng da lừa* của Balzac, *Những kẻ khốn nạn* của Hugo do Nguyễn Văn Vĩnh dịch năm 1926, truyện của Maupassant như *Cái bàn tay* (La main gauche) được Dương Quảng Hàm dịch năm 1921, *Chuối hạt kim cương* (La parure) được Vũ Văn Định dịch năm 1922, *Truyện trên xe lửa* (En voyage) được Phạm Quỳnh dịch năm 1931 v.v... Về kịch, có thể nói, ý đồ ban đầu của các dịch giả như Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh khi dịch kịch Pháp sang Việt ngữ là lấp đầy khoảng trống giữa tuồng, chèo của người An Nam và kịch Tây, để truyền bá nghệ thuật kịch của Pháp tại Việt Nam.

Như vậy, những thập niên đầu thế kỷ XX, hoạt động dịch văn học, đặc biệt là dịch văn học Pháp, đã trở thành hoạt động văn hóa nổi trội nhất và đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc làm cầu nối giữa Pháp và Việt, tạo thuận lợi cho quá trình giao thoa văn hóa giữa hai nước: những gì mà văn học dịch và triết học dịch mang lại cho văn hóa và ngôn ngữ Việt Nam là vô cùng lớn lao, tạo tiền đề cho sự trỗi dậy của nền văn học dân tộc vào giai đoạn sau.

3. Dịch văn học ở Việt Nam giai đoạn từ những năm 1930 đến 1954

Khoảng từ những năm 1930 đến năm 1954, chúng ta chứng kiến sự thức dậy đầy hào khí của tinh thần quốc văn. Nếu như trước đó, văn học dân tộc yếu thế trước văn học dịch thì giai đoạn này văn học dân tộc trỗi dậy một cách mãnh liệt, đẩy văn học dịch ra phía ngoại vi của trường văn học Việt Nam. Tất cả các điều kiện gần như hội tụ để văn học dân tộc thay da đổi thịt và dịch chuyển từ vị trí ngoại biên vào vị trí trung tâm: sự ra đời của một thế hệ nhà văn mới (Phan Khôi, Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ, Lưu Trọng

Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao v.v...), sự ra đời của thơ mới và tiểu thuyết mới, sự phát triển rầm rộ của các văn đàn (Tự lực văn đoàn, Thanh Nghị, Tri Tân, Tân Dân, Hàn Thuyên v.v...), sự trưởng thành của các thể loại văn học (thơ, tiểu thuyết), sự canh cải của ngôn ngữ văn học, sự phát triển của xuất bản và báo chí (*Phong Hóa, Ngày Nay, Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tao Đàn* v.v...). Không có giai đoạn nào trong lịch sử Việt Nam hai chữ “quốc văn” lại được đội ngũ trí thức nhắc đi nhắc lại nhiều lần như thế. Nhóm Tự lực văn đoàn đã nêu ra 10 tôn chỉ, trong đó tôn chỉ đầu tiên là: “Tự mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài nếu những sách này có tính cách văn chương mà thôi: mục đích là để làm giàu thêm văn sản trong nước” [4].

Bị đẩy ra rìa, văn học dịch giai đoạn này tỏ ra eo sèo với đội ngũ dịch giả thưa thớt và số lượng dịch phẩm khá ít ỏi. Về văn học Pháp, sự ra đi của Nguyễn Văn Vĩnh vào năm 1936 và Phạm Quỳnh vào năm 1945 đã để lại một chỗ trống khó khỏa lấp. Nếu như giai đoạn trước, hoạt động dịch văn học Pháp được dẫn dắt bởi hai dịch giả đầu đàn (leading translators) đó thì giai đoạn này, hoạt động này như một con tàu không có đầu máy. Những đóng góp của văn học dịch vẫn còn đó, vết tích của dịch văn học vẫn in đậm trong văn học Việt Nam, chỉ có điều hoạt động dịch văn học theo nghĩa liên ngôn ngữ (interlingual) phần nào bị hắt hủi, như thể nó đã hoàn thành sứ mệnh và đến lúc phải nhường lại vị trí trung tâm phức hệ cho văn học sáng tác.

Các tác phẩm văn học Pháp được dịch giai đoạn này chủ yếu vẫn là các tác phẩm “cổ điển” theo cách gọi thường xuyên của người Việt. Đó là các tác phẩm thuộc chủ nghĩa cổ điển, lãng mạn, tự nhiên, tượng trưng. Các dịch giả vẫn

luôn coi trọng việc đáp ứng thị hiếu văn chương của người Việt lúc bấy giờ, không làm cho độc giả phải khó chịu bởi những cách tân trong thi pháp cũng như trong nghệ thuật tiểu thuyết, kiểu Duhamel hay Proust. Điều này có nghĩa, việc đáp ứng các chuẩn mực văn học vẫn là ưu tiên hàng đầu của các dịch giả Việt Nam. Trong tờ *Tri Tân*, số mùa xuân năm 1944, chúng ta có thể đọc được những dòng này: “Nhiều dịch giả đã sơ ý trong sự lựa chọn tìm những tác giả ngoại quốc, hay những tác giả Pháp quốc, như lối hành văn thuộc về hạng đặc biệt – như Proust hay Duhamel – dịch ra chắc hẳn ít có số độc giả người Nam có thể hiểu nổi. Về giải Alexandre de Rhodes chúng ta chỉ nên theo gương ông Nguyễn Văn Vĩnh, dịch những danh văn cổ điển sẵn có một tính cách đại đồng và vượt ra khỏi thời gian.” [8]. Chính vì thế mà quan sát danh mục các tác phẩm văn học Pháp được dịch nửa đầu giai đoạn này, chúng ta thấy chủ yếu vẫn là các tác phẩm giai đoạn từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX. Ít có các tác giả Pháp thế kỷ XX được dịch, chỉ có Alain Fournier, Maurice Blanc, André Gide và một số nhà văn khác mà thôi.

Nhưng nửa sau giai đoạn này, có nghĩa là sau 1945, bản thân “văn học cổ điển” cũng bị kháng cự mãnh liệt. Theo Thúy Toàn, trong những năm 1950, những gương mặt nhà văn thuộc trào lưu hiện thực và hiện thực xã hội chủ nghĩa đã được giới thiệu cho bạn đọc, chẳng hạn như Romain Roland, Louis Aragon, Roger Vailland, Anatole France [14]. Như vậy để thấy rằng sự tiến triển của văn học không đơn giản như người ta nghĩ mà nó luôn năng động, linh hoạt. Mỗi hệ thống như mỗi hạt cơ bản, nó chịu sự tác động không ngừng của các phân tử khác, nó luôn luôn dịch chuyển, luôn thay hình đổi dạng. Luôn luôn vận động, đó là đặc trưng của mỗi thành tố trong phức hệ văn hóa.

4. Dịch văn học ở Việt Nam giai đoạn từ 1954 đến năm 1975

Trong giai đoạn này, sau hiệp định Genève, Việt Nam bị chia cắt làm đôi, mỗi miền mỗi chế độ chính trị, tư tưởng khác nhau, lại tạo ra những chuẩn mực riêng cho văn học nói chung và dịch văn học Pháp nói riêng. Đối chiếu việc tiếp nhận văn học Pháp ở miền Bắc và tiếp nhận văn học Pháp ở miền Nam dưới góc độ phức hệ sẽ cho phép chúng ta có một cái nhìn sáng tỏ hơn về toàn cảnh văn hóa ở nước ta giai đoạn này.

4.1. Dịch văn học Pháp ở miền Bắc

Bối cảnh văn hóa - chính trị ở Bắc Việt Nam giai đoạn này có thể được gói gọn ở hai ý niệm: *xây* và *chống*. Về chính trị, đó là việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống lại mọi thế lực thù địch: đế quốc Mỹ, chính phủ Việt Nam cộng hòa, phe phản động. Về mặt văn hóa, đó là việc xây dựng và phát triển chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa và chống lại mọi hình thức văn hóa của tư sản hay tiểu tư sản. Ở đây, chúng ta thấy rõ sự tác động của hệ thống chính trị lên hệ thống văn học: “xây” và “chống” có thể được hiểu như sự xung đột quyết liệt giữa phân tầng chuẩn và phân tầng phi chuẩn. Đối với diễn ngôn chính trị, phân tầng chuẩn là các giá trị văn học được thể chế cho là hợp pháp: tính đảng trong văn học, lòng yêu nước trong văn học, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Trong những năm tháng chiến tranh chống Mỹ cứu nước, các giá trị này được kết tinh, các phân tầng này “kết rắn” (petrification) trong diễn ngôn chính trị về văn học. Nhưng “xây” và “chống” ở đây phần nhiều biểu hiện sự xung đột nội hệ thống. Còn đặt trong mối quan hệ liên hệ thống, tức là đặt trong phức hệ, văn học như là một hệ thống không được phát triển như các hệ thống khác, nó nằm đâu đó ở vùng ngoại vi. Theo thống kê của dịch giả Thúy Toàn,

trong giai đoạn này, do thiếu giấy mực nên các nhà xuất bản gặp rất nhiều khó khăn. Ví dụ: Mỗi năm Nhà xuất bản Văn học chỉ cho ra được khoảng 50 cuốn, trong đó văn học dịch có năm chỉ có 9 cuốn [9].

Khảo sát *Tạp chí Văn học* giai đoạn này cho thấy số bài báo nói về văn học nước ngoài rất ít. Văn học các nước xã hội chủ nghĩa được chú trọng hơn nhiều, trong đó văn học Xô-Việt chiếm vị trí đầu tiên, tiếp theo là văn học Brazil, Algérie, Trung Quốc, Roumanie, (Đông) Đức... Tổng kết sau đây của Lưu Liên có thể là chưa đầy đủ nhưng đã thể hiện phần nào diện mạo của văn học dịch ở miền Bắc trước năm 1975:

“Các nhà xuất bản thời gian vừa qua một mặt vì hoàn cảnh có chiến tranh, mặt khác có thể vì chưa chủ động trong kế hoạch chọn lựa và tổ chức dịch, nên đã để xảy ra tình trạng không cân đối: chưa dịch những nhà văn lớn lại dịch những nhà văn không tên tuổi, chưa dịch những tác phẩm lớn của nhà văn tiêu biểu lại dịch những tác phẩm ít có giá trị. Có thể nói trong thời gian qua sách văn học dịch được xuất bản một cách không hệ thống và không đủ.” [10]

Lý do tiếp theo khiến hoạt động dịch văn học Pháp giai đoạn này không phát triển, đó là bởi văn học các nước tư bản khi thâm nhập vào Việt Nam phải thông qua một bộ lọc văn hóa rất tinh vi. Chủ nghĩa Freud, chủ nghĩa hiện sinh hay chủ nghĩa cấu trúc bị lên án kịch liệt.

Phân tích sự tiếp nhận nhà văn Pháp nổi tiếng lúc bấy giờ là Albert Camus sẽ cho chúng ta thấy rõ sự xung đột mãnh liệt giữa các phân tầng văn học. Sự tiếp nhận nhà văn thuộc hạng cây đa cây đề này của Pháp ở Bắc Việt giai đoạn này là mang tính “hai mặt”. Một mặt các nhà phê bình miền Bắc công nhận những nét tích cực của họ, mặt khác họ lên tiếng phê phán nặng nề những gì theo họ là phản động, phản văn học. Ví dụ: nếu như Hoàng Trinh, trong bài

báo “An-Be Ca-Muyx và thuyết phi lý trong văn học”, *Tạp chí Văn học*, số 1 năm 1968, một mặt ca ngợi Albert Camus đã từng tham gia kháng chiến chống phát xít Đức và ủng hộ cách mạng Madagascar và phong trào cộng sản Hy Lạp, đã từng miêu tả cuộc sống của những người lao động nghèo ở Algérie trong tác phẩm *Mặt trái và bề mặt, Ngộ nhận, Caligula, Người nổi loạn*, đã xây dựng thành công các nhân vật như Rieux, Rambert, Tarou trong *Dịch hạch*, những người chiến đấu không mệt mỏi để cứu nhân loại thoát khỏi đại dịch; mặt khác, Hoàng Trinh chỉ trích mạnh mẽ tính phi lý trong văn chương của Camus. Ông viết:

“Xã hội tư sản các nước phương Tây càng khủng hoảng, tư tưởng sợ chiến tranh xâm lược, sợ hi sinh chết chóc càng thấm sâu vào một số người thì những tư tưởng triết học của Ca-muyx trong khuôn khổ chung của triết học sinh tồn càng có thêm đất để tác động và gây thêm nhiều hậu quả. [...] Và giữa lúc nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và phong trào độc lập dân tộc ở các nước đang thừa thắng xông lên, đẩy lùi chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản, đứng đầu là bọn hiếu chiến Mỹ, thì nhiều tác phẩm sinh tồn ví dụ như *Con người nổi loạn* của An-be Ca-Muyx chẳng hạn, như những chiếc gậy thọc ngang, đã gây thêm hoài nghi và hằn thù đối với phe xã hội chủ nghĩa, chỗ dựa của loài người tiến bộ.”

Chính vì thế mà không có tác phẩm nào của Albert Camus được dịch ở miền Bắc giai đoạn này, cho dù dịch giả Dương Tường có kể lại là ông đã đọc *Người dung* lần đầu năm 1956 và lần thứ 2 năm 1957 nhưng mãi đến năm 1994, Nxb Văn học mới đặt hàng ông dịch cuốn này. [11]

Vì lý do đã phân tích ở trên, dịch văn học, trong đó có dịch văn học Pháp, không thực sự được chú trọng. Vai trò của dịch giả bị xem nhẹ, số lượng dịch phẩm văn học Pháp rất ít. Trong những năm 1960, các dịch giả nổi tiếng

như Huỳnh Lý, Vũ Đình Liên, Lê Trí Viễn, Đỗ Đức Hiểu v.v... cùng nhóm Lê Quý Đôn đã có tham vọng dịch thuật và nghiên cứu có hệ thống văn học nước ngoài, đặc biệt là văn học Pháp nhưng chỉ vài năm sau ngày thành lập, nhóm này đã tan rã, gần như trùng với giai đoạn *Nhân văn - Giai phẩm*. Sự tan rã nhanh chóng của nhóm Lê Quý Đôn thể hiện vị trí ngoại biên của văn học dịch.

Các tác phẩm văn học Pháp được các dịch giả ở miền Bắc chọn dịch chủ yếu vẫn là các tác phẩm cổ điển và các tác phẩm hiện thực chủ nghĩa. Các tác giả được dịch nhiều nhất vẫn là Honoré de Balzac với 4 cuốn *Vỡ mộng* (Trọng Đức, 1964), *Ơ giê ni Gơ răng đê* (Huỳnh Lý, 1966), *Lão Goriot* (Lê Huy, 1967), *Miếng da lừa* (Đỗ Đức Dục, 1973); Victor Hugo với bản dịch *Những người khốn khổ* do nhóm Lê Quý Đôn dịch vào năm 1959; Maupassant với *Viên mỡ bò* (Hương Minh, 1968); Stendhal với *Đỏ và đen* (Đoàn Phú Tứ, 1971)...

Tóm lại, có thể nói, trong phức hệ miền Bắc giai đoạn này, có những chuẩn mực văn học, trong đó có dịch văn học Pháp, được “điển phạm hóa” (canonisées), hợp pháp hóa và chiếm vị trí trung tâm. Trong khi đó, những trào lưu, trường phái văn học, triết học đi ngược với quan điểm văn học chính thống đều bị đồng loạt tẩy chay, và vì thế bị đẩy ra vùng ngoại biên của phức hệ văn học.

4.2. Dịch văn học Pháp ở miền Nam

Công bằng mà nói, văn học dịch ở miền Nam phát triển rầm rộ hơn, cập nhật hơn ở miền Bắc. Dịch văn học, mà trọng tâm là dịch văn học Pháp, chiếm vị trí trung tâm của phức hệ miền Nam. Trong những năm 1970, trong tổng số các tác phẩm được xuất bản thì có đến 80% là dịch phẩm văn học nước ngoài với khoảng 200 tác giả được dịch [12]. Theo điều

tra của Trần Trọng Đăng Đàn được thực hiện vào tháng 7 năm 1976, xét về tác phẩm được dịch, các công trình nghiên cứu và bài báo xuất bản, văn học Pháp đứng đầu trong số nền văn học được yêu thích ở miền Nam giai đoạn trước 1975. Tiếp theo là văn học Trung Quốc. Văn học Mỹ chỉ xếp thứ 3 còn văn học Nga chiếm vị trí thứ 4. Việc văn học dịch ở miền Nam phát triển như thế là vì sự giao thoa giữa các hệ thống thể chế, độc giả, xuất bản, báo chí, giáo dục v.v...

Về thể chế, có thể nói, chính quyền Sài Gòn ít hay nhiều có quan tâm đến việc xúc tiến dịch văn học. Hơn nữa, chưa bao giờ trong lịch sử văn hóa Việt Nam, ngành xuất bản lại phát triển rầm rộ như vậy. Ai cũng có thể làm xuất bản vì thủ tục rất đơn giản: xin giấy phép xuất bản ở Sở phối hợp Nghệ thuật và Sở kiểm duyệt rồi đưa sách đi in. Bên cạnh đó, chúng ta có thể thấy sự bùng nổ của báo chí. Hàng loạt tạp chí ra đời như *Sáng tạo*, *Bách khoa*, *Hiện đại*, *Thế kỷ hai mươi*, *Văn*, *Nhân loại*... Số lượng dịch phẩm được đăng tải trong các tạp chí như *Bách Khoa* và *Văn* phải nói là rất nhiều. Một điểm nữa cũng không kém phần quan trọng, đó là yếu tố giáo dục. Có thể nói, trong giai đoạn này ở miền Nam, trong chương trình đào tạo đại học, văn học và triết học đóng một vai trò rất quan trọng. Và văn học hẳn còn là lựa chọn hàng đầu của sinh viên. Cuối cùng, có thể nói, văn học miền Nam sau năm 1968 có nhiều đột biến, thậm chí rơi vào khủng hoảng vì chiến tranh, kiểm duyệt, v.v... Vì lý do này mà văn học dịch phát triển để "*bù vào chỗ cái thiếu của nhà văn Việt Nam. Thiếu về sự đa dạng, về tâm cỡ, về tư tưởng thời đại*" [14].

Về sự giao thoa nội hệ thống, chúng ta thấy trong việc lựa chọn các tác phẩm dịch, có những trào lưu, trường phái văn học chiếm vị trí trung tâm phức hệ miền Nam trong khi ở miền Bắc lại bị đẩy ra vùng ngoại vi như chúng ta đã thấy. Các phân tầng kết tinh thành trung tâm

của phức hệ gồm các trào lưu triết học như cấu trúc luận, hiện tượng luận, chủ nghĩa Dada, chủ nghĩa siêu thực, chủ nghĩa hiện sinh v.v... Chẳng hạn như trên *Bách khoa*, người ta có thể tìm thấy khoảng mười bài báo của Trần Hương Tử (Thái Kim Đĩnh) giới thiệu về các tác giả như: Jaspers, Marcel, Heidegger, Kierkegaard, Husserl, Ponty, Sartre v.v... Nguyễn Văn Trung cũng là một trong những nhà nghiên cứu quan tâm đặc biệt đến các trào lưu triết học và văn học của phương Tây, ông đã có những bài báo giới thiệu khá đầy đủ những gương mặt như Alain Robbe Grillet, Nathalie Sarraute, Michel Butor, Sartre, Camus... hàng chục năm trước trong *Sáng Tạo*, *Bách Khoa*, *Thông Cảm*, *Thế kỷ XX* [15].

Về văn học, Nhà xuất bản Giao Điểm được thành lập năm 1964 chủ trương chủ yếu xuất bản các tác phẩm nước ngoài và chú trọng các tác giả Albert Camus, Merleau Ponty và Jean-Paul Sartre. Mặt khác, trong khi Cô Liêu (Vũ Đĩnh Lưu) quan tâm đến Françoise Sagan, Albert Camus, Julien Green, v.v... thì Đoàn Thêm, Trùng Thiên có những bài viết về Saint-John Perse, Claude Simon và Alain Robbe-Grillet. Trong 12 năm tồn tại, tạp chí *Văn* dành khoảng 90 số đặc biệt cho văn học nước ngoài. Chẳng hạn như số đặc biệt ngày 15 tháng Giêng năm 1964 và ngày 1 tháng giêng năm 1965 nói về Albert Camus, số đặc biệt ngày 1 tháng 9 năm 1965 nói về Jean-Paul Sartre, số đặc biệt ngày 1 tháng 10 năm 1964 nói về André Maurois, số đặc biệt ngày 1 tháng 11 năm 1964 nói về André Malraux, v.v...

Các tác giả Pháp được chọn dịch giai đoạn này ở miền Nam đứng đầu là Albert Camus, sau đó đến Jean-Paul Sartre, tiếp theo là Françoise Sagan, André Gide, Saint-Exupéry, André Maurois, v.v....

Qua việc phân tích các yếu tố chi phối vị trí của hoạt động dịch văn học Pháp ở miền Nam, qua việc xem xét việc lựa chọn các tác phẩm

văn học Pháp để dịch của các dịch giả miền Nam, chúng ta càng thấy rõ hơn sự khác biệt cơ bản giữa phức hệ miền Bắc và phức hệ miền Nam. Qua đây chúng ta có thể thấy sự biến đổi linh hoạt của phức hệ: tùy sự tương tác giữa các hệ thống, nó có thể tự tách ra và mỗi tiểu hệ thống có thể tự tạo cho mình một trung tâm riêng, với các quy luật hoạt động riêng.

5. Kết luận

Từ góc nhìn của lý thuyết phức hệ, chúng ta thấy từ cuối thế kỷ XIX đến những năm 1930, dịch văn học Pháp chiếm vị trí trung tâm trong trường văn học Việt Nam. Từ năm 1930 đến năm 1954, hoạt động dịch văn học Pháp không được chú trọng. Từ năm 1954 đến năm 1975, trong khi ở miền Bắc, hoạt động dịch văn học Pháp được cho là thứ yếu thì ở miền Nam, văn học Pháp chiếm một vị trí đáng kể trong trường văn học miền Nam. Hơn nữa, các tác phẩm văn học Pháp thường được các dịch giả Việt Nam chọn dịch tùy theo các chuẩn mực tiếp nhận của từng thời và từng miền. Trong nửa đầu thế kỷ XX, các tác phẩm được dịch là các tác phẩm thuộc chủ nghĩa cổ điển, chủ nghĩa lãng mạn, hay tiểu thuyết phiêu lưu. Từ năm 1954 đến năm 1975, các dịch giả miền Bắc chủ yếu dịch các tác phẩm văn học Pháp từ thế kỷ 17 đến thế kỷ XIX và các tác phẩm có nội dung cách mạng hay hiện thực chủ nghĩa trong khi ở miền Nam thì lại khác, các dịch giả đua nhau dịch các tác phẩm đương đại và nổi tiếng ở Pháp thuộc chủ nghĩa hiện sinh, văn học phi lý, tiểu thuyết mới, chủ nghĩa siêu thực, v.v... Vị trí của hoạt động dịch văn học Pháp, việc lựa chọn các tác phẩm để dịch sang tiếng Việt là kết quả của cuộc xung đột gay gắt giữa *tiếp biến văn hóa* và *kháng cự văn hóa*, kết quả này chịu sự tác động sâu sắc của những yếu tố xã hội, chính trị, văn

học, ngôn ngữ, v.v... Qua đây, chúng ta có thể thấy rõ khả năng áp dụng thuyết phức hệ vào việc nghiên cứu văn học dịch với tư cách là một thể loại. Theo tinh thần của thuyết phức hệ, với những liên hệ cộng hưởng từ việc khảo sát liên ngành, chúng ta có thể có một cái nhìn toàn cảnh hơn về lịch sử dịch văn học. Điều mà chúng tôi đã cố gắng chứng minh trong bài này, đó là “dịch không còn là một hiện tượng với bản chất và biên giới mãi mãi cố định mà là một hoạt động phụ thuộc vào các mối quan hệ trong một hệ thống văn hóa đặc thù nào đó.” [2]

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số VIII.3-2011.13.

Tài liệu tham khảo

- [1] Even-Zohar Itamar, “The Position of Translated Literature within the Literary Polysystem” (Vị trí của văn học dịch trong phức hệ văn học), *Literature and Translation: New Perspectives in Literary Studies*, Nxb Acco, Leuven, 1978.
- [2] Even-Zohar Itamar, “Polysystem Studies” (Nghiên cứu lý thuyết phức hệ), *Poetics Today*, số đặc biệt, tập 11:1, Duke University Press, 1990.
- [3] Guillemin Alain, “Le pinceau, la plume et le souci de soi. L’influence de la littérature vietnamienne sur la littérature française” (Bút lông, bút mực và nỗi lo về mình. Ảnh hưởng của văn học Việt Nam với văn học Pháp), *Le Goût de l’enquête (Pour Jean Claude Passeron)*, l’Harmattan, Paris, 2001.
- [4] Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên* (Tập 3), Nxb Đồng Tháp, 1997.
- [5] Trần Đình Hượu – Lê Chí Dũng, *Văn học Việt Nam, giai đoạn giao thời 1900 – 1930*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1988.

- [6] Nguyễn Phú Phong, “Ảnh hưởng của văn học Pháp”, Việt Nam, chữ viết, ngôn ngữ và xã hội, NXB ĐHSP TP. Hồ Chí Minh, 2005.
- [7] Ngô Đức Kế, “Luận về chính học cùng tà thuyết”, Tổng tập văn học Việt Nam (Tập 21), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996.
- [8] Tri Tân, số mùa xuân năm 1944.
- [9] Thúy Toàn, Không phải của riêng ai - dịch văn học, văn học dịch, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999.
- [10] Lưu Liên, “Sách văn học dịch”, Tạp chí Văn học, số 4/1974.
- [11] Đặng Tiến, “L’Etranger de Camus au Vietnam” (Người xa lạ của Camus ở Việt Nam), L’Aventure des lettres françaises en extrême Asie, Nxb You-Feng, Paris, 2005.
- [12] Nguyễn Khắc Viện và Phong Hiền, “Le néo-colonialisme américain au Sud-Vietnam (1954-1975)” (Chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, 1954-1975), Etudes vietnamiennes, số 69/1982.
- [13] Nguyễn Kiên, Le Sud-Vietnam depuis Dien Bien Phu (miền Nam Việt Nam từ Điện Biên Phủ), François Maspero, Paris, 1963.
- [14] Nguyễn Văn Lục, “20 năm văn học dịch thuật miền Nam 1955-1975”, Hợp lưu, số 79, 2004.
- [15] Nguyễn Trọng Văn, “Những đứa con hoang của Nguyễn Văn Trung”, Bách Khoa, số 264, tháng Giêng năm 1968.
- [16] Bùi Xuân Bào, Le roman vietnamien contemporain (Tiểu thuyết Việt Nam đương đại), Tủ sách Nhân văn Xã hội, Sài Gòn, 1972.

Reception of French Literature in Vietnam from Beginning to 1975 (Seen from Polysystem Theory)

Nguyễn Duy Bình

Vinh University, 182 Lê Duẩn street, Vinh, Nghệ An., Vietnam

Abstract: This article, in the first part, introduces polysystem theory and its fundamental concepts. We also present the elements of polysystem and the potential contribution of polysystem theory in the study on position of translated literature in a literary poly-system. Accordingly, we focus on the reception of French literature in Vietnam so far. In addition, we explore the elements such as literary institution, politics, culture, language,... and specify how they interfere and interact with each other and affect French literature reception, which is, as a consequence, to shed light on the position of French literary translation activity, especially the selection of works and strategies for literary translation.

Keywords: Polysystem theory, translated literature, interference, French Literature.